TÒA ÁN NHÂN DÂN **TP. BUÔN MA THUỘT** TỈNH ĐẮK LẮK	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:17/2022/HNGĐ-ST
Ngày 14-03-2022
V/v: "Tranh chấp hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Văn Vĩ.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. ÔngNguyễn Hữu Long

2. Bà Nguyễn Thị Loan

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Lê Nguyệt Ánh – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột: Ông Trần Tố Lâm-Kiểm sát viên.

Ngày 14/3/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh ĐắkLắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số:566/2021/HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2021 về việc "Tranh chấp hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2022/QĐXX-ST ngày 28 tháng 01 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 20/2022/QĐST-HNGĐ ngày 25/02/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà H'Y – Sinh năm 1991(Có mặt)

Bị đơn: Ông Y T – sinh năm 1993 (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Xã C, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1]. Theo nguyên đơn bà H'Y trình bày:

Tôi và ông Y T tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Cư Êbur, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 02/5/2013.

Quá trình sống chung vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do ông Y T không chăm lo làm ăn, không có trách nhiệm với gia đình dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Từ khi kết hôn, ông Y T thường xuyên về nhà mẹ đẻ sinh sống và nếu có về nhà vợ thì vẫn không có trách nhiệm với vợ và con. Đến năm 2019, mâu

thuẫn phát sinh căng thẳng, ông Y T bỏ về nhà mẹ đẻ sinh sống, vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay. Trong thời gian ly thân, chúng tôi không còn quan tâm, chăm sóc gì đến nhau. Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn nên tôi xin được ly hôn với ông Y T.

-Về con chung: Tôi và ông Y T có 02 con chung là: Cháu Y T– sinh ngày 27/02/2016 và cháu H N– Sinh ngày 07/6/2013. Từ khi ly thân 02 cháu ở với tôi, khi ly hôn tôi có nguyện vong được trực tiếp nuôi 02 con chung đến tuổi trưởng thành vì tôi có điều kiện và thời gian chăm sóc con chung.

-Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà H'Y không yêu cầu ông Y T phải cấp dưỡng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

-Về tài sản chung, nợ chung: Tôi và ông Y T không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2].Đối với bị đơn ông Y T: Tòa án đã tiến hành thông báo triệu tập hợp lệ nhưng ông Y T không lên Tòa án làm việc nên không lấy được lời khai.

-Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột phát biểu về việc giải quyết vụ án: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng theo quy định của pháp luật về nguyên đơn đã chấp hành tốt còn bị đơn chưa chấp hành. Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà H'Y về việc xin ly hôn với ông Y T và giao cháu Y T– sinh ngày 27/02/2016 và cháu H N– Sinh ngày 07/6/2013 cho bà H'Y trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến tuổi thành niên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Tranh chấp giữa nguyên đơn bà H'Y và bị đơn ông Y T là tranh chấp về hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, mặc dù Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng ông Y T đều vắng mặt không có lý do, không có ý kiến trình bày về các nội dung yêu cầu khởi kiện của bà H'Y; không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được và đã phải hoãn phiên tòa lần đầu vào ngày 25 tháng 02 năm 2022. Tại phiên tòa hôm nay, ông YT vẫn vắng mặt là thuộc trường hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, do đó Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Y T theo quy định.

[2]. Hôn nhân giữa bà H'Y và ông Y T là hợp pháp; trong thời gian chung sống, vợ chồng bà H'Y và ông Y T đã xảy ra nhiều mâu thuẫn dẫn đến bà H'Y yêu cầu Tòa án xin ly hôn chứng tỏ giữa bà H'Y và ông Y T không còn thương yêu, gắn bó với

nhau; không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Như vậy, giữa bà H'Y và ông Y T không còn tình nghĩa vợ chồng theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình; từ đó vợ chồng bà H'Y và ông Y T là đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, đây là căn cứ cho ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà H'Y và cho bà H'Y được ly hôn với ông Y T.

-Về con chung: Bà H'Y và ông Y T có 02 con chung là: Cháu H N– Sinh ngày 07/6/2013 và cháu Y T– sinh ngày 27/02/2016.

Khi ly hôn H'Y có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung đến tuổi trưởng thành (18 tuổi) vì bà H'Y có điều kiện và thời gian chăm sóc con chung.

Xét nguyện vọng của bà H'Y là chính đáng và xét nguyện vọng của cháu H N là muốn được ở với mẹ nên cần giao cháu H N– sinh ngày: 07/6/2013 và cháu Y T– sinh ngày: 27/02/2016 cho bà H'Y được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (18 tuổi) là phù hợp.

-Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà H'Y không yêu cầu ông Y T phải cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét.

-Về tài sản chung, nợ chung: Bà H'Y xác định vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Bà H'Y phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khỏan 1 Điều 39; Điều 146; điểm a khoản 1 Điều 203; điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 8, Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình

Căn cứ Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH12 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của bà H'Y.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà H'Y được ly hôn với ông Y T

2. Về con chung: Giao cháu H N– sinh ngày: 07/6/2013 và cháu Y T– sinh ngày: 27/02/2016 cho bà H'Y được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi 02 cháu đủ tuổi thành niên(18 tuổi).

Ông Y T được quyền đi lại thăm nom và chăm sóc con chung không ai được ngăn cản.

3.Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà H'Y không yêu cầu ông Y T cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Bà H'Y không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5.Về án phí ly hôn sơ thẩm: Bà H'Y phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng mà bà H'Y đã nộp tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm theo biên lai thu số 0004478 ngày 12/08/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự TP. Buôn Ma Thuột. Ông Y T không phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-P.NV&THA TA tỉnh Đắk Lắk;
-VKSND tỉnh Đắk Lắk;
-VKSND TP.BMT;
-CCTHADS TP.BMT;
-UBND xã Cư ÊBur
-Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
đã ký

Phạm Văn Vĩ